

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

TÔ THỊ HẠNH NHÂN

**ĐẢNG LÃNH ĐẠO KIÊN ĐỊNH ĐỘC LẬP,
TỰ CHỦ TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC
(1954 - 1975)**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Mã số: 9229015**

HÀ NỘI – 2026

Công trình được hoàn thành tại
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS.TS. NGUYỄN MẠNH HÀ
2. TS. NGUYỄN DANH LỢI

Phản biện 1:
.....

Phản biện 2:
.....

Phản biện 3:
.....

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án cấp
Học viện hợp

tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm 20....

Có thể tìm hiểu luận án tại: Thư viện Quốc gia
và Thư viện Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Đảng lãnh đạo kiên định độc lập, tự chủ từ năm 1954 đến năm 1975 là sự tiếp tục và phát triển lên tầm cao mới những kinh nghiệm, bài học về kiên định, giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở thời kỳ cách mạng trước đó cũng như nối tiếp truyền thống yêu nước của dân tộc. Đồng thời, đó còn là kết quả của sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng không ngừng, về chiến tranh cách mạng, về giải quyết mối quan hệ giữa chiến lược và sách lược cách mạng. Đây là vấn đề cực kỳ khó khăn bởi vì trong giai đoạn này, giữa phe xã hội chủ nghĩa và phe đế quốc chủ nghĩa vừa đối đầu gay gắt, vừa xuất hiện những chuyển động hoà hoãn.

Việc nghiên cứu sâu sắc, có hệ thống Đảng lãnh đạo kiên định độc lập, tự chủ (1954-1975) giúp chúng ta hiểu rõ hơn những phức tạp, đan xen của bối cảnh lịch sử, những bài toán đầy thử thách, không dễ xử lý mà Đảng phải liên tục hoá giải, ứng biến. Ngày nay, đổi mới và hội nhập quốc tế là xu thế tất yếu nhưng kiên định độc lập, tự chủ vẫn là yếu tố quyết định đối với sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia. Cho đến nay, chưa có nhiều công trình nghiên cứu một cách có hệ thống, chuyên sâu về vấn đề quan trọng và thú vị, có ý nghĩa nhiều mặt này.

Về ý nghĩa lý luận, luận án góp phần làm sáng tỏ thêm năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trong thời chiến. Đặc biệt, góp phần dựng lại bức tranh về quá trình hoạch định chủ trương kiên định độc lập, tự chủ và sự chỉ đạo, tổ chức thực hiện chủ trương ấy của Đảng từ năm 1954 đến năm 1975.

Về ý nghĩa thực tiễn, luận án góp phần cung cấp thêm nguồn tài liệu phục vụ công tác nghiên cứu và giảng dạy Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Đồng thời, góp phần củng cố, nâng cao niềm tin vào sự

lãnh đạo của Đảng trong hiện tại cũng như trong tương lai; làm cơ sở chống lại các luận điệu sai trái, xuyên tạc, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng trong chiến tranh cách mạng. Chính vì lẽ đó, nghiên cứu sinh lựa chọn đề tài **“Đảng lãnh đạo kiên định độc lập, tự chủ trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)”** làm Luận án tiến sĩ, ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Mục đích và nhiệm vụ của luận án

2.1. Mục đích của luận án

Làm rõ chủ trương và quá trình chỉ đạo kiên định độc lập, tự chủ của Đảng trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975), từ đó rút ra một số kinh nghiệm có thể vận dụng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ của luận án

Để đạt mục đích nghiên cứu trên, luận án tập trung thực hiện những nhiệm vụ chủ yếu:

- Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài Đảng lãnh đạo kiên định độc lập, tự chủ trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975).

- Làm rõ những yếu tố tác động đến quá trình Đảng lãnh đạo kiên định độc lập, tự chủ từ năm 1954 đến năm 1975.

- Hệ thống hoá, làm rõ chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng về kiên định độc lập, tự chủ trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975).

- Nhận xét ưu điểm, hạn chế và đúc kết một số kinh nghiệm từ quá trình Đảng lãnh đạo kiên định độc lập, tự chủ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975).

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Chủ trương và chỉ đạo kiên định độc lập, tự chủ của Đảng trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước từ năm 1954 đến năm 1975.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về nội dung*: Luận án tập trung nghiên cứu chủ trương và quá trình chỉ đạo kiên định độc lập, tự chủ của Đảng. Trên cơ sở đó, luận án làm rõ ưu điểm, hạn chế và rút ra một số kinh nghiệm về quá trình Đảng lãnh đạo kiên định độc lập, tự chủ trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975).

Quan niệm về kiên định độc lập, tự chủ bao hàm nhiều lĩnh vực về chính trị, ngoại giao, quốc phòng, kinh tế, văn hoá cùng những vấn đề liên quan khác. Đảng lãnh đạo kiên định độc lập, tự chủ trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc có thể hiểu:

Thứ nhất, về cơ sở khoa học, lãnh đạo kiên định độc lập, tự chủ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ căn cứ vào những biến động mới ở trong và ngoài nước, nhất là sự vận động khó lường của tam giác chiến lược Mỹ - Xô - Trung.

Thứ hai, kiên định độc lập, tự chủ trong suốt thời kỳ 1954 - 1975 là để hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam; để bảo vệ và triển khai công cuộc kiến thiết CNXH ở miền Bắc. Qua đó, góp phần thúc đẩy phong trào đấu tranh của nhân loại tiến bộ vì tự do, công lý và hòa bình.

Thứ ba, Việt Nam tự quyết định mọi chuyện liên quan đến cuộc chiến, từ quyết tâm kháng chiến; mục tiêu chiến lược; nhiệm vụ trước mắt; đến cách thức tổ chức và chỉ huy chiến tranh cũng như đường lối đối ngoại, chứ không qua trung gian, không để nước nào, phe nào chi phối, điều khiển, thao túng.

Thứ tư, kiên định độc lập, tự chủ nhưng không phủ định đoàn kết quốc tế, nhất là đoàn kết với các quốc gia, tổ chức, lực lượng tiến bộ thế giới.

Thứ năm, kiên định độc lập, tự chủ không chỉ với các nước lớn, với sự biến động khó lường của tình hình quốc tế, mà còn đi đôi với đấu tranh phê phán những biểu hiện cực đoan trong nội bộ.

- *Về không gian*: Trong lãnh thổ Việt Nam.

- *Về thời gian*: Từ sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết (21-7-1954) đến khi kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (30-4-1975). Tuy nhiên, để bảo đảm tính hệ thống và đạt được mục đích nghiên cứu, luận án mở rộng phạm vi nghiên cứu trước năm 1954 và sau năm 1975.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của luận án

4.1. Cơ sở lý luận

Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc; về quyền dân tộc tự quyết; về cách mạng không ngừng; về chiến tranh Nhân dân, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc; về quan hệ quốc tế, đối ngoại, ngoại giao.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

+ Phương pháp lịch sử: Được sử dụng chủ yếu để trình bày tình hình nghiên cứu; quá trình Đảng lãnh đạo kiên định độc lập, tự chủ trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước qua các giai đoạn 1954 - 1967 và 1968 - 1975.

+ Phương pháp logic: Được sử dụng chủ yếu để khái quát kết quả nghiên cứu các công trình đã tổng quan, chỉ ra những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu; nhận xét, đánh giá các sự kiện, văn kiện liên quan; tiểu kết các chương; rút ra nhận xét và kinh nghiệm.

- Đồng thời, luận án còn sử dụng phương pháp nghiên cứu khác như phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh, khảo sát tư liệu và phương pháp nghiên cứu đặc thù của khoa học lịch sử Đảng là căn cứ vào các văn bản, nghị quyết, chỉ thị, ... của Đảng.

4.3. Nguồn tài liệu

- Các nghị quyết, báo cáo, chỉ thị, điện, ... của BCT, Ban Bí thư, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Quân ủy Trung ương, Trung ương Cục miền Nam đã được công bố trong Văn kiện Đảng Toàn tập, Văn kiện Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

- Các văn bản của Quốc hội, Chính phủ; quyết định của các bộ, ban, ngành liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

- Các bài viết, phát biểu của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã công bố trong Hồ Chí Minh Toàn tập liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

- Các tư liệu, tài liệu được lưu giữ tại Cục Lưu trữ Văn phòng

Trung ương Đảng, Trung tâm lưu trữ Quốc gia, Bộ Ngoại giao, Thư viện Quốc gia, Thư viện Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thư viện Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, ...

- Các cuốn sách, bài viết của các chính khách, tướng lĩnh, nhân chứng lịch sử ở Việt Nam và trên thế giới.

- Các công trình khoa học, các luận án, bài báo nghiên cứu về chiến tranh Việt Nam ở trong nước và quốc tế có nội dung liên quan đến luận án.

5. Đóng góp của luận án

Thứ nhất, luận án đã bước đầu làm sáng tỏ, có hệ thống hơn những yếu tố tác động đến quá trình Đảng lãnh đạo kiên định độc lập, tự chủ.

Thứ hai, luận án góp phần trình bày quá trình Đảng lãnh đạo kiên định độc lập, tự chủ trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975).

Thứ ba, luận án nêu lên những nhận xét, đúc rút những kinh nghiệm lịch sử quý giá, có thể vận dụng vào quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện mới.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

Về ý nghĩa lý luận, luận án góp phần làm sáng tỏ thêm năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trong thời chiến; năng lực điều hành cũng như vai trò lãnh đạo và nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh cách mạng của Đảng trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Về ý nghĩa thực tiễn, luận án góp phần cung cấp thêm nguồn tài liệu phục vụ công tác nghiên cứu và giảng dạy về Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Đồng thời, góp phần củng cố, nâng cao niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng; làm cơ sở chống lại các luận điệu sai trái, xuyên tạc, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng trong chiến tranh cách mạng.

7. Kết cấu luận án: Ngoài Phần mở đầu, Kết luận, Danh mục các công trình của tác giả đã công bố liên quan đến đề tài luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án gồm 4 chương, 10 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. NHÓM CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án của các tác giả trong nước

Những công trình nghiên cứu liên quan đến hoạt động lãnh đạo kiên định độc lập, tự chủ của Đảng (1954-1975) gồm có các công trình tiêu biểu của các cơ quan, tác giả trong nước như Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị (2015), *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước: Thắng lợi và bài học*; Nguyễn Chí Thanh (1965), *Phát huy cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng, quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ*; Lê Duẩn (2013), *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới; Vì sao Mỹ thất bại trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam* (1985); Lê Văn Yên (2008), *Hồ Chí Minh với chiến lược đoàn kết quốc tế trong cách mạng giải phóng dân tộc*; Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị (2000), *Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945 -1975 - Thắng lợi và bài học*; Nguyễn Phúc Luân (chủ biên) (2001), *Ngoại giao Việt Nam hiện đại vì sự nghiệp giành độc lập, tự do (1945 – 1975*; Nguyễn Phúc Luân (2005), *Ngoại giao Việt Nam trong cuộc đọing đầu lịch sử*; Nguyễn Đình Bìn (chủ biên) (2002), *Ngoại giao Việt Nam 1945 – 2000*; Bộ Ngoại giao (2007), *Mặt trận ngoại giao với cuộc đàm phán Paris về Việt Nam*; Trần Nhâm (2005), *Cuộc đấu trí ở tầm cao của trí tuệ Việt Nam*; Nguyễn Khắc Huỳnh (2010), *Cuộc kháng chiến chống Mỹ của Việt Nam: Tác động của những nhân tố quốc tế*; Lưu Văn Lợi - Nguyễn Anh Vũ (đồng chủ biên) (2012), *Các cuộc thương lượng Lê Đức Thọ - Kissinger tại Paris*; Nguyễn Quý (2010), *Lịch sử Xứ uỷ Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954 - 1975)*; Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (2013), Bộ sách *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)* gồm 9

tập; Nguyễn Thị Mai Hoa (2013), *Các nước XHCN ủng hộ Việt Nam kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975)*; Phạm Quang Minh (2015), *Quan hệ tam giác Việt Nam - Trung Quốc - Liên Xô trong cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975)*; Nguyễn Văn Hường (2017), *Phán xét, các nước lớn đã can thiệp vào chiến tranh Việt Nam như thế nào?*; Vũ Dương Ninh (2017), *Cách mạng Việt Nam trên bàn cờ quốc tế - Lịch sử và vấn đề*; Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (2019), *Những nhân tố hợp thành sức mạnh Việt Nam thắng Mỹ* (xuất bản lần thứ hai, có sửa chữa, bổ sung), tập 12; Nguyễn Văn Quyền (2020), *Việt Nam tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ từ các nước XHCN những năm 1954 – 1968*; Trần Thị Thu Hương (2007), “Bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước”, *Tạp chí Khoa Giáo, số 4-2007*; Đoàn Thanh Thủy (2020), *Đảng lãnh đạo quan hệ của Việt Nam với Liên Xô trong kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975)*, Luận án tiến sĩ Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, ...

1.1.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án của các tác giả nước ngoài

Các công trình liên quan đến đề tài luận án được nhiều nhà nghiên cứu nước ngoài công bố gồm những công trình nổi bật như Robert S. McNamara (1995), *Nhìn lại quá khứ: Tấn thăm kịch và những bài học về Việt Nam*; Ilya V. Gaiduk (1998), *Liên bang Xô Viết và chiến tranh Việt Nam*; Anatoly Dobrynin (2001), *Đặc biệt tin cậy*; Neil Sheehan (1990), *Sự lừa dối hào nhoáng*; Thomas J. Mc. Cormick (2004), *Nước Mỹ nửa thế kỷ - Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ trong và sau chiến tranh Lạnh*; Richard Nixon (2004), *Hồi ký Richard Nixon*; Lý Kiện (2008), *Trung - Xô - Mỹ: Cuộc đối đầu lịch sử*; Daniel Ellsberg (2018), *Hồ sơ mật Lầu Năm góc và hồi ức về chiến tranh Việt Nam*; Gregory A. Daddis (2021), *Rút quân: Nhìn lại những năm cuối cùng của Mỹ tại Việt Nam*; ...

1.2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ TỔNG QUAN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN TẬP TRUNG GIẢI QUYẾT

1.2.1. Kết quả nghiên cứu của các công trình đã tổng quan

Về tư liệu

Các công trình trên đã đưa ra một hệ thống tư liệu phong phú, đa dạng; nhất là những tư liệu gốc, những biên bản, văn bản đã được giải mật liên quan tới mối quan hệ giữa các nước lớn Mỹ - Liên Xô - Trung Quốc lúc bấy giờ. Đây là chất liệu quý cho nghiên cứu sinh tham chiếu trong quá trình tiếp cận, khai thác đối tượng nghiên cứu cũng như tiến hành thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu.

Về phương pháp nghiên cứu

Các công trình trên đã sử dụng đa dạng, phong phú các phương pháp như lịch sử, logic, so sánh, thống kê, quy nạp - diễn dịch, phân tích - tổng hợp, tiếp cận cuộc chiến từ góc nhìn triết học - chính trị, triết học - lịch sử. Đó còn là phương pháp khai thác và sử dụng tư liệu, tài liệu từ nhiều nguồn khác nhau. Đây là những phương pháp tác giả có thể kế thừa trong thời gian triển khai luận án.

Về nội dung

Các công trình trong và ngoài nước thuộc về hoặc liên quan tới đề tài luận án đã được công bố là rất đa dạng và phong phú. Trong đó, các tác giả đã có những phân tích, lý giải về căn nguyên ban đầu, diễn biến và kết thúc chiến tranh Việt Nam với nhiều góc độ khác nhau, nhưng vẫn toát lên nguyên nhân quyết định là sự lãnh đạo của Đảng và quyết tâm chiến đấu, sự dũng cảm và sáng tạo của Nhân dân Việt Nam. Các công trình của các tác giả nước ngoài, do hạn chế bởi lập trường quan điểm cũng như bị chi phối bởi mục đích chính trị nên đã có những đánh giá, nhìn nhận chưa thực sự khách quan, nhưng cũng đã luận giải được phần nào những lý do dẫn đến Mỹ không đạt được mục tiêu trong cuộc chiến. Đây là chất liệu quý giá, nguồn tham khảo quan trọng, gợi

mở cho nghiên cứu sinh bóc tách, phân tích đối tượng và nội dung nghiên cứu một cách đa chiều và sâu sắc hơn.

1.2.2. Những vấn đề luận án tập trung giải quyết

Một là, các yếu tố tác động đến quá trình Đảng lãnh đạo kiên định độc lập, tự chủ từ năm 1954 đến 1975.

Hai là, quá trình phát triển nhận thức và chủ trương của Đảng về kiên định độc lập, tự chủ qua hai giai đoạn 1954-1967 và 1968-1975.

Ba là, chỉ đạo cụ thể của Đảng, các cấp bộ Đảng ở trung ương và địa phương đối với việc kiên định độc lập, tự chủ trong suốt 21 năm từ 1954 đến 1975.

Bốn là, nhận xét khách quan ưu điểm và hạn chế, rút ra một số kinh nghiệm về quá trình Đảng lãnh đạo kiên định độc lập, tự chủ (1954 -1975).

Chương 2

ĐẢNG LÃNH ĐẠO KIÊN ĐỊNH ĐỘC LẬP, TỰ CHỦ TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC TỪ NĂM 1954 ĐẾN NĂM 1967

2.1. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUÁ TRÌNH ĐẢNG LÃNH ĐẠO KIÊN ĐỊNH ĐỘC LẬP, TỰ CHỦ

2.1.1. Thực tiễn Đảng lãnh đạo kiên định độc lập, tự chủ trước năm 1954

Trước năm 1954, Đảng đã kiên cường vượt qua những cuộc tiến công, đánh phá ác liệt của các quốc gia thực dân, đế quốc; bền bỉ lãnh đạo toàn dân phát triển lực lượng, tập dượt đấu tranh, chớp đúng thời cơ tổng khởi nghĩa; bình tĩnh và sáng suốt đưa dân tộc vượt qua 9 năm trường kỳ chống Pháp. Ở Hội nghị Giơnevơ năm 1954, do chưa nắm bắt đầy đủ ý đồ chiến lược của các cường quốc; nguồn thông tin hạn hẹp, phương tiện hoạt động đối ngoại, đội ngũ cán bộ còn hạn chế về kinh nghiệm nên Việt Nam chưa thể hoàn toàn thực hiện được một

cách đầy đủ tính chủ động và tự chủ trong đàm phán. Dù vậy, với sự kiên định và sách lược linh hoạt, Việt Nam đã thành công trong việc đạt được các mục tiêu cơ bản.

2.1.2. Bối cảnh trong nước và quốc tế

** Trong nước*

Trong khi miền Bắc tập trung làm nhiệm vụ khôi phục, hàn gắn vết thương chiến tranh, từng bước đi lên chủ nghĩa xã hội, thì miền Nam tiếp tục phải chiến đấu chống kẻ thù xâm lược để hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Cả hai chiến lược cách mạng nặng nề ở hai miền đất nước đều do Đảng lãnh đạo cùng lúc.

** Quốc tế*

Sức mạnh thời đại với ba dòng thác cách mạng vẫn tiếp tục ở thế tiến công. Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, bên cạnh những thành tựu, các nước xã hội chủ nghĩa bắt đầu xuất hiện những bất cập, hạn chế, đặc biệt là những bất đồng trong nội bộ khối từ kín đáo đến công khai, từ luận chiến gay gắt về đường lối đến đối đầu về ngoại giao và quân sự. Đầu năm 1965, Mỹ thực hiện “chiến tranh cục bộ”, càng đòi hỏi Đảng phải kiên định độc lập, tự chủ, sáng tạo trong quá trình lãnh đạo.

2.2. CHỦ TRƯỞNG KIÊN ĐỊNH ĐỘC LẬP, TỰ CHỦ CỦA ĐẢNG TỪ NĂM 1954 ĐẾN NĂM 1967

Trước khi Hiệp định Giơnevơ chính thức được ký kết, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 6 (khóa II), đã nhận định Mỹ là kẻ thù chính, trực tiếp của các nước Đông Dương. Hội nghị BCT tháng 6-1956 xác định: đấu tranh chính trị là hình thức chủ yếu. Đề cương cách mạng miền Nam do đồng chí Lê Duẩn dự thảo, nhấn mạnh: Ngoài con đường cách mạng không có con đường khác. Nghị quyết 15 (1959) là văn kiện chính thức đầu tiên thể hiện lập trường công khai của Đảng trong việc lựa chọn con đường giải phóng miền Nam. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ III (9-1960) vạch rõ hai chiến lược cách mạng khác nhau ở hai miền đất nước và lưu ý: phải

phát huy đến cao độ tinh thần tự lực cánh sinh để xây dựng một nền kinh tế tự chủ.

Tháng 12-1963, Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng nêu rõ quan điểm của Đảng trên một số vấn đề có tính nguyên tắc về chiến lược và sách lược. Hội nghị Đảng lần thứ 11 (3-1965) đã ra Nghị quyết (đặc biệt) Về tình hình và nhiệm vụ cấp bách trước mắt. Nghị quyết Trung ương 12 (12-1965) đề ra những quyết sách chiến lược quan trọng trong bối cảnh mới. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 13 (28-1-1967) lưu ý: Trong đấu tranh ngoại giao, Đảng ta luôn giữ vững tính độc lập, tuy ta vẫn chú trọng tham khảo ý kiến các đảng anh em. Tháng 12-1967, BCT đã ra một Nghị quyết lịch sử, chuyển cuộc chiến tranh cách mạng miền Nam sang một thời kỳ mới (tiến lên giành thắng lợi quyết định bằng phương pháp tổng công kích - tổng khởi nghĩa vào tất cả các đô thị của địch trên toàn miền Nam).

2.3. ĐẢNG CHỈ ĐẠO KIÊN ĐỊNH ĐỘC LẬP, TỰ CHỦ TỪ NĂM 1954 ĐẾN NĂM 1967

2.3.1. Kiên định đường lối kháng chiến từ năm 1954 đến năm 1967

2.3.1.1. Kiên định quyết tâm kháng chiến, bảo vệ độc lập dân tộc, thống nhất đất nước

Kiên định quyết tâm kháng chiến chính là kiên định khát vọng Bắc Nam là một chỉnh thể thống nhất. Thành quả đạt được từ cao trào Đồng khởi đã củng cố vững chắc cho quyết tâm ấy. Cụ thể hoá quyết tâm chiến lược của Đảng, Trung ương Cục miền Nam kịp thời đề ra Nghị quyết chuyên đề về công tác tư tưởng và mở cuộc động viên chính trị, thúc đẩy chủ nghĩa anh hùng cách mạng lên tầm cao mới.

2.3.1.2. Kiên định đánh giá bạn thù, đoàn kết quốc tế

Trải qua thực tiễn, Đảng từng bước đánh giá toàn diện hơn về Mỹ cũng như mức độ tác động của những bất hoà trong hệ thống xã hội chủ nghĩa. Đảng chỉ đạo phối hợp ngoại giao hai miền; đối ngoại

Đảng với ngoại giao Nhà nước và Nhân dân; phối hợp ngoại giao với vận động báo chí; đặc biệt luôn làm hết sức mình, nỗ lực tối đa để tăng cường đồng thuận giữa các nước trong khối xã hội chủ nghĩa.

2.3.1.3. Kiên định hai nhiệm vụ chiến lược

Kiên định hai nhiệm vụ chiến lược bắt nguồn từ việc Đảng kết hợp hai loại quy luật: quy luật chiến tranh cách mạng miền Nam và quy luật cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Cả hai đều chịu sự quy định bởi mâu thuẫn chung của cả nước là sự đối kháng giữa nhân dân Việt Nam và đế quốc Mỹ xâm lược. Đảng quyết giương cao ngọn cờ dân tộc - trong mối quan hệ biện chứng với ngọn cờ dân chủ, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

2.3.2. Kiên định phương thức tiến hành chiến tranh

2.3.2.1. Trục tiếp đánh Mỹ để tìm ra cách thắng Mỹ

Trục tiếp đánh Mỹ để tìm ra cách thắng Mỹ là biểu hiện của tinh thần cách mạng triệt để. Các phong trào "dùng sĩ diệt Mỹ", "tìm Mỹ mà đánh, tìm nguy mà diệt", "bám thắt lưng địch mà đánh", "căng địch ra mà đánh, vây chúng lại mà diệt" dấy lên khắp các chiến trường. Chiến dịch Plâyme diễn ra từ ngày 19-10 đến ngày 20-11-1965 kết thúc với thắng lợi giòn giã. Chiến dịch này mở ra khả năng đánh tiêu diệt các đơn vị Mỹ.

2.3.2.2. Tiến hành chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện, dựa vào sức mình là chính

Thứ nhất, thực hiện chiến thuật “hai chân, ba mũi, ba vùng”; *thứ hai*, kết hợp tiến công quân sự với nổi dậy của quần chúng; *thứ ba*, kết hợp “đánh và đàm” để kết thúc cuộc chiến. *thứ tư*, chủ động làm suy yếu ý chí xâm lược của đối phương. *thứ năm*, huy động toàn dân tộc, mọi nguồn lực trên mọi lĩnh vực để phục vụ sự nghiệp giải phóng dân tộc.

2.3.3. Kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ

2.3.3.1. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tranh thủ

sự đồng tình, ủng hộ quốc tế

Trong khi sức mạnh dân tộc đóng vai trò quyết định thì sức mạnh thời đại giữ vai trò thúc đẩy để phát huy cao nhất nội lực. Phương thức cơ bản, hiệu quả để huy động sức mạnh dân tộc là hình thành Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và củng cố, mở rộng Mặt trận Tổ quốc ở miền Bắc. Hơn nữa, mở rộng và củng cố khối đoàn kết ba nước Đông Dương và nhân dân tiến bộ thế giới.

2.3.3.2. Cân bằng mối quan hệ giữa hai nước Liên Xô, Trung Quốc trên nguyên tắc “dĩ bất biến, ứng vạn biến”

Bản chất của ngoại giao cân bằng là không đứng về bên nào trong các cuộc xung đột khác nhau và không tạo ra bất kỳ kẻ thù nào, tất cả vì lợi ích quốc gia - dân tộc chân chính. Xuất phát từ nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia, lãnh đạo Việt Nam kiên trì vận động để bạn bè quốc tế nhận thức đúng đắn về bản chất chiến tranh Việt Nam; đồng thời nhấn mạnh rằng sự đồng hành, hậu thuẫn dành cho Việt Nam là một biểu hiện sống động của trách nhiệm và lương tri nhân loại.

2.3.3.3. Giúp cách mạng Lào, Campuchia theo phương châm “giúp bạn là mình tự giúp mình”

Mỗi nước Đông Dương đều có một vị trí, vai trò khác nhau trong chiến lược tổng thể của Mỹ. Trong đó, Mỹ luôn coi Việt Nam là chiến trường chính. Trong hoạt động giúp đỡ và phối hợp chiến đấu với Lào và Campuchia, Đảng kiên trì đường lối chủ nghĩa quốc tế vô sản chân chính, nhấn mạnh nguyên tắc đoàn kết, bình đẳng và quyền tự quyết, độc lập của mỗi nước.

Chương 3

CHỦ TRƯỞNG VÀ SỰ CHỈ ĐẠO KIẾN ĐỊNH ĐỘC LẬP, TỰ CHỦ CỦA ĐẢNG TỪ NĂM 1968 ĐẾN NĂM 1975

3.1. NHỮNG YẾU TỐ MỚI TÁC ĐỘNG ĐẾN QUÁ TRÌNH ĐẢNG LÃNH ĐẠO KIÊN ĐỊNH ĐỘC LẬP, TỰ CHỦ

3.1.1. Tình hình trong nước

Âm mưu thâm độc và những hành động leo thang quân sự của Mỹ đặt ra cho quá trình lãnh đạo kiên định độc lập, tự chủ của Đảng giai đoạn 1968-1975 những thử thách mới nghiêm trọng; yêu cầu Đảng phải phát huy tinh thần độc lập, tự chủ cao độ trong suốt quá trình lãnh đạo.

3.1.2. Tình hình quốc tế

1968 - 1975 là giai đoạn lịch sử mà tam giác chiến lược Mỹ-Xô-Trung có những vận động mới khó lường. Đặc biệt, những giao kèo, dàn xếp, thương lượng mà Mỹ đạt được với các nhà lãnh đạo Xô-Trung cho thấy sự nham hiểm, lật lọng, tráo trở của chính quyền Mỹ trong chiến tranh Việt Nam.

3.2. Chủ trương kiên định độc lập, tự chủ của Đảng từ năm 1968 đến năm 1975

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 14 (1-1968) đề ra nhiệm vụ “đưa cuộc chiến tranh cách mạng của ta lên bước phát triển cao nhất, dùng phương pháp tổng công kích và tổng khởi nghĩa để giành thắng lợi quyết định”. Nghị quyết của BCT ngày 1-3-1968 yêu cầu nâng cao tinh thần độc lập, tự chủ, không ngại chiến đấu lâu dài, không sợ hy sinh, gian khổ. Nghị quyết số 188-NQ/TW của BCT ngày 10-5-1969 đã phân tích những chỗ yếu cơ bản của chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”. Tháng 5-1969, Bí thư thứ nhất Lê Duẩn chỉ rõ: Ta nhớ ơn, ta đoàn kết phe ta, nhưng không độc lập tự chủ không thắng được. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 20 (27-1 đến ngày 11-2-1972) yêu cầu: Cần nắm vững đường lối quốc tế đúng đắn, độc lập, tự chủ và sáng tạo của Đảng ta. Phát huy cao độ tinh thần tự lực tự cường, dựa vào sức mình là chính. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (10-1973) nhấn mạnh: Giữ vững đường lối chiến lược tiến công và chỉ đạo linh hoạt để đưa cách mạng miền Nam tiến lên.

Với miền Bắc, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần

thứ 22 cuối 1975 - đầu 1975 bàn về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế hai năm 1974-1975. Hội nghị BCT (mở rộng) cuối năm 1974 đầu năm 1975 họp hai đợt bàn về kế hoạch giải phóng toàn bộ miền Nam. Điện số 592 ngày 29-4-1975 gửi các khu, thành, tỉnh, Ban Bí thư nhấn mạnh: Nhất định chúng ta sẽ giải phóng Sài Gòn và toàn miền Nam.

3.3. ĐẢNG CHỈ ĐẠO KIÊN ĐỊNH ĐỘC LẬP, TỰ CHỦ TỪ NĂM 1968 ĐẾN NĂM 1975

3.3.1. Kiên định đường lối kháng chiến

3.3.1.1. Kiên định quyết tâm kháng chiến đến thắng lợi cuối cùng

Thực hiện quyết tâm chiến lược mới của Trung ương Đảng, đêm 31-1 rạng sáng 1-2-1968, quân dân miền Nam đã thực hiện tổng công kích và nổi dậy đồng loạt. Tuy lực lượng cách mạng đã loại bỏ được nhiều lực lượng tác chiến và trang thiết bị chiến đấu của kẻ thù nhưng chưa giành được thắng lợi cao nhất. Sang đợt II, chuyển hướng tiến công chủ yếu về phía nam, tây nam là đúng; tuy nhiên, nhiều đơn vị không đến được mục tiêu theo thời gian và kế hoạch đã định, do đó các hướng tiến công không đều. Đợt III chuyển hướng tiến công chủ yếu ra vòng ngoài đô thị, nhưng sau đó lại liên tục nhận được những chỉ thị về tiếp tục tổng công kích - tổng khởi nghĩa; các cấp chỉ đạo, chỉ huy ở miền Nam thiếu đề xuất nhanh chóng chuyển về nông thôn một cách dứt khoát nên địch đã kịp gượng dậy được.

Từ tháng 4-1973, Tổ trung tâm được lập ra để giúp Bộ chỉ huy tối cao của Quân đội nghiên cứu, lập kế hoạch tác chiến chiến lược giải phóng miền Nam. Việc Nixon phải từ chức Tổng thống Mỹ (8-1974) vì vụ Watergate đã củng cố lòng tin vào khả năng giải phóng miền Nam trong thời gian sớm nhất. Sự kiện lực lượng cách mạng tiêu diệt Chi khu quân sự Thượng Đức ở Khu 5 (29-7-1974 đến 7-8-1974), giải phóng quận lỵ Thượng Đức đã tạo ra một hình thái mới: Quân đội Sài Gòn không còn khả năng chiếm lại các vị trí đã mất.

3.3.1.2. Kiên định hai nhiệm vụ chiến lược và vai trò của hai miền

Tiếp nối giai đoạn trước đó, Đảng tiếp tục kiên định thực hiện công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, cách mạng dân tộc dân

chủ nhân dân ở miền Nam; mỗi miền giữ vai trò riêng trong tổng thể định hướng chiến lược phát triển cách mạng, trong đó miền Bắc đóng vai trò quyết định nhất; còn miền Nam giữ vai trò quyết định trực tiếp.

3.3.1.3. Kiên định đoàn kết quốc tế

Trong đôi ngoại với hai nước Liên Xô và Trung Quốc, Việt Nam có những chính sách linh hoạt, mềm dẻo và biết dàn hòa, tạo thế cân bằng với cả hai nước; tôn trọng vai trò và tiếng nói của họ; thông báo cho hai nước về các vấn đề lớn của chiến tranh. Việt Nam trình bày rõ lập trường kiên trì đường lối đánh lâu dài; tiến hành đấu tranh đồng bộ trên cả ba lĩnh vực: quân sự, chính trị và ngoại giao; từng bước tạo nên chiến thắng; kiểm soát tình hình, hướng tới đánh bại Mỹ trên chiến trường Việt Nam và Đông Dương.

3.3.2. Kiên định phương thức tiến hành chiến tranh

3.3.2.1. Trực tiếp đánh Mỹ để tìm ra cách thắng Mỹ

Trực diện chiến đấu với kẻ thù để tìm ra cách thắng Mỹ, để chuyển hoá dần cục diện cuộc chiến. Đảng liên tục bổ sung quyết tâm chiến lược kịp thời với nhịp độ phát triển nhanh chóng của tình hình trên chiến trường; giữ được nhiều thị xã, thành phố nguyên vẹn, giành được thắng lợi lớn nhất trong thời gian ngắn nhất với liên tiếp các chiến dịch: Đường 14-Phước Long; Tây Nguyên; Trị-Thiên-Huế; Đà Nẵng; Xuân Lộc và mốc son chói lọi là Chiến dịch Hồ Chí Minh.

3.3.2.2. Kết hợp nhuần nhuyễn đánh và đàm

Một mặt, Đảng chỉ đạo các mặt trận tiếp tục tiến công; mặt khác, Đảng đề ngỏ khả năng Việt Nam sẽ đàm phán nếu Mỹ dừng các cuộc không kích miền Bắc vô điều kiện. Đồng thời, Đảng cũng chủ trương tích cực đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại làm cho nhân dân tiến bộ thế giới ủng hộ sách lược “vừa đánh, vừa đàm”.

3.3.2.3. Kiên định tiến hành chiến tranh nhân dân, buộc địch phải bị động đánh theo cách đánh của ta

Khi Mỹ triển khai “Chiến tranh cục bộ” chủ trương tiêu diệt chủ lực cách mạng thì Quân giải phóng bất ngờ nổ súng trên khắp các đô thị miền Nam, buộc Mỹ phải chuyển từ thế tiến công sang phòng ngự chiến lược, đảo lộn toàn bộ kế hoạch chiến tranh. Khi Mỹ thực

hiện “Việt Nam hóa chiến tranh” thì ta tập trung đánh vào những hướng hiểm yếu (Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ) nhằm phá thế phòng thủ của địch. Đặc biệt, chiến dịch Hồ Chí Minh là đỉnh cao của nghệ thuật chiến tranh nhân dân; địch hoàn toàn mất khả năng chủ động chiến lược.

3.3.3. Kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ

3.3.3.1. Chủ động đàm phán, nhân nhượng để ký Hiệp định chấm dứt chiến tranh

Sách lược “giải quyết theo hai bước”, chưa đòi xoá chính quyền Sài Gòn là một đột phá tháo gỡ bế tắc, đưa lập trường hai bên tại Hội nghị Paris xích lại gần nhau. Sự chủ động này thể hiện tư duy sáng tạo, khả năng làm chủ tình thế mạnh mẽ của Việt Nam.

3.3.3.2. Không thoả hiệp trước sức ép bên ngoài

Bước vào chặng cuối, các nước lớn càng tìm mọi cách dàn xếp, thoả thuận với nhau để cản trở Việt Nam thống nhất đất nước. Đảng kiên quyết không thoả hiệp trước bất kỳ sức ép nào, nhất là từ các nước đồng minh trong phe xã hội chủ nghĩa, kiên quyết đẩy mạnh tốc độ cuộc chiến tiến tới thắng lợi hoàn toàn.

3.3.3.3. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

Đảng tăng cường sự liên kết giữa ba tầng mặt trận: *một là*, mặt trận thống nhất trong nước; *hai là*, mặt trận thống nhất ba nước Đông Dương; *ba là*, mặt trận thống nhất thế giới ủng hộ Việt Nam. Với chủ trương đối ngoại cân bằng, độc lập, tự chủ cùng thái độ chân thành, khiêm tốn, có lý có tình nên Việt Nam vẫn nhận được sự đồng thuận, viện trợ to lớn, toàn diện và hiệu quả từ cộng đồng quốc tế.

Chương 4

NHẬN XÉT VÀ KINH NGHIỆM

4.1. NHẬN XÉT

4.1.1. Ưu điểm

Thứ nhất, kiên định độc lập, tự chủ là chủ trương rất phù hợp, có căn cứ khoa học, được đề ra dựa trên truyền thống dân tộc; những quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh và cách mạng; căn cứ vào tình hình thực tế của cuộc chiến.

Thứ hai, trong quá trình chỉ đạo kiên định độc lập, tự chủ, Đảng luôn giữ vững phương châm “dựa vào sức mình” để xây dựng thực lực; đồng thời, thường xuyên có sách lược ứng xử phù hợp để thực hiện thắng lợi mục tiêu cuối cùng.

Thứ ba, về kết quả: *một là*, kiên định độc lập, tự chủ đã phát huy đến cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng; khơi dậy mạnh mẽ sức mạnh tự cường, khả năng tự bảo vệ, tự lực cánh sinh của một dân tộc; *hai là*, nhờ kiên định độc lập, tự chủ mà Việt Nam vẫn giành được sự công nhận và giúp đỡ toàn diện, hiệu quả của loài người tiến bộ thế giới.

Thứ tư, trong mối quan hệ với các nước lớn, Đảng đã thể hiện thuyết phục bản lĩnh độc lập, tự chủ, tự quyết; góp phần bác bỏ các luận điểm sai lệch cho rằng Việt Nam chỉ là một “con bairi”, “quân cờ” trong cuộc “mặc cả” giữa các nước lớn, không có năng lực lãnh đạo, không thể độc lập, tự chủ.

4.1.2. Hạn chế

Một là, ở trong nước, 1954 - 1958 là giai đoạn Việt Nam phải đấu tranh để khắc phục ảnh hưởng của các khuynh hướng từ bên ngoài xâm nhập vào. Những quan điểm trái ngược nhau của Liên Xô và Trung Quốc làm cho quá trình hoạch định chủ trương kiên định độc lập, tự chủ của Đảng gặp rất nhiều thử thách. *Hai là*, khi ứng xử với Liên Xô và Trung Quốc, những năm 1963 - 1964, Đảng chưa hoàn toàn kiên định độc lập, tự chủ trong xử lý các tình huống phức tạp, tế nhị.

4.2. MỘT SỐ KINH NGHIỆM

4.2.1. Đánh giá đúng tình hình, tương quan lực lượng trong nước và quốc tế, chiến lược của các nước lớn để đề ra đường lối, đối sách phù hợp

Mỗi nước lớn trong khi giúp đỡ Việt Nam đều có mục đích, đường lối và phương thức riêng. Vì vậy, Đảng cần đánh giá được lợi ích, khả năng can dự và chiến lược dài hạn của các nước này; mối quan hệ liên minh và xung đột giữa họ; có cơ chế theo dõi, đánh giá định kỳ và hiệu chỉnh kịp thời. Ngày nay, để giữ được độc lập, tự chủ, Việt Nam phải nắm chắc tình hình; nhận thức và đánh giá đúng đối tác, đối tượng có liên quan trực tiếp đến nội lực dân tộc; có tầm nhìn chiến

lược, khả năng bao quát và dự liệu cả cơ hội lẫn nguy cơ.

4.2.2. Đoàn kết, thống nhất trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt và bối cảnh quốc tế phức tạp

Đoàn kết, thống nhất trong nội bộ Đảng là điều kiện tiên quyết để bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, thống nhất ý chí và hành động. Các đợt tự phê bình về những chậm trễ và thiếu sót sau Hiệp định Giơnevơ, sau Tết Mậu Thân 1968 và sau Hiệp định Pari 1973 đã có tác dụng đoàn kết toàn Đảng, đẩy mạnh và đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ đến toàn thắng. Chỉ khi nội bộ Đảng vững vàng, đồng thuận mới có thể huy động và phát huy tối đa sức mạnh của cả hệ thống chính trị, đặc biệt là hóa giải được tác động tiêu cực từ những toan tính chiến lược của các cường quốc.

4.2.3. Xây dựng thực lực cách mạng theo chủ trương có độc lập mới có tự chủ, có tự chủ mới có sáng tạo

Phải xây dựng thực lực thật mạnh để có đủ điều kiện làm chủ tình thế. Đồng thời, cũng phải biết nắm thời cơ, bất ngờ tiến công địch, đánh thắng từng trận đánh, từng chiến dịch, từng chiến lược chiến tranh tiến lên giành toàn thắng. Hiện nay, sức mạnh kinh tế có vai trò quyết định hàng đầu. Do vậy, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ là một yêu cầu khách quan.

4.2.4. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, thực hiện đoàn kết quốc tế trên cơ sở có lý, có tình

Bản lĩnh của Đảng là cho dù có phải đi “giữa hai làn đạn” - chịu áp lực, sự phê bình của cả hai đồng minh chiến lược Xô - Trung, Việt Nam vẫn giữ quan hệ tốt với cả hai nước nhưng nếu cả hai có sai lầm thì Việt Nam vẫn phê bình, không có gì e ngại. Ngày nay, quan hệ đối ngoại có lý có tình, “dĩ bất biến, ứng vạn biến” vẫn là bản sắc ngoại giao tiêu biểu của Việt Nam.

KẾT LUẬN

1. Đảng lãnh đạo kiên định độc lập, tự chủ trong công cuộc bảo vệ thành quả cách mạng, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954 - 1975) là một quá trình đầy khó khăn, thử thách, nan giải; phản ánh những nỗ lực phi thường của dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Cơ sở lý luận và thực tiễn đều cho thấy rằng chỉ có giữ vững tinh thần tự cường và tự quyết mới có sáng tạo và đột phá; mới được các cường quốc vị nể, tôn trọng; mới thực hiện được đoàn kết quốc tế.

Việc kiên định độc lập, tự chủ thể hiện cao độ tinh thần trách nhiệm cao cả của một đảng mácxít - leninnít chân chính đối với phong trào cộng sản quốc tế; là sự vận dụng một cách sáng tạo, không giáo điều, xơ cứng những nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lênin mà Đảng lấy làm kim chỉ nam vận dụng vào hoàn cảnh đất nước mình; đặc biệt, khi nào mà Đảng không dao động trước nguyên tắc tự chủ và tự lực, giữ vững tinh thần tự cường và tự quyết, bền bỉ lập trường độc lập, tự chủ thì lợi ích quốc gia - dân tộc chân chính không bị xâm phạm, cách mạng Việt Nam có sáng tạo, đột phá trong chủ trương, tổ chức thực tiễn và nhất định thành công.

Sau Hiệp định Giơnevơ (7-1954), đối tượng tác chiến của Việt Nam đã thay đổi. Chủ nghĩa thực dân kiểu mới do Mỹ đứng đầu, với chiếc vỏ bọc “bảo vệ thể giới tự do” đi đôi với thủ đoạn viện trợ kinh tế kết hợp đe dọa quân sự, ngoại giao để lừa bịp thiên hạ, che đậy bản chất hiếu chiến, xâm lược đã gây ra rất nhiều thử thách cho sự nghiệp bảo vệ độc lập dân tộc của Việt Nam. Vì vậy, vấn đề cấp bách lúc này là phải giải quyết được hai mâu thuẫn chủ yếu mới nảy sinh: một là, sự đối kháng giữa Nhân dân Việt Nam với đế quốc Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hoà đang thống trị miền Nam; hai là, mâu thuẫn giữa lựa chọn con đường phát triển CNXH hay con đường CNTB ở miền Bắc. Mặt khác, chiến tranh Việt Nam nằm trên trục chuyển động của ba cặp quan hệ Mỹ-Liên Xô, Mỹ-Trung Quốc và Liên Xô-Trung Quốc với những toan tính riêng của các nước lớn. Do đó, kiên định độc lập, tự chủ là một đòi hỏi khách quan; một chủ trương phù hợp với quy luật khách quan; một nguyên tắc đóng vai trò chỉ đạo đối với tư duy, tư tưởng và hoạt động thực tiễn của Đảng.

Như vậy, trong bối cảnh các quan hệ quốc tế diễn ra cực kỳ phức tạp, quá trình lãnh đạo kiên định độc lập, tự chủ của Đảng phải trải qua nhiều bước quanh co, lâu dài, phải giành thắng lợi từng bước

để tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn. Đây là một vấn đề mang tính quy luật của cách mạng.

2. Trong quá trình hoạch định chủ trương kiên định độc lập, tự chủ, không phải ngay từ sớm, Đảng đã có được một hệ thống những quan điểm, nguyên tắc liên quan mà đòi hỏi Đảng phải cần nhiều thời gian, công sức, nguồn lực, những “phép thử”, những hình thức từ thấp đến cao, từ kết hợp đến duy nhất, ... mới có thể định hình, xác lập và từng bước hoàn chỉnh hệ thống lý luận về kiên định độc lập, tự chủ trong hoàn cảnh trong nước và thế giới phức tạp lúc đó.

Căn cứ vào nền tảng lý luận của các nhà kinh điển Mác-Lênin, truyền thống dựng nước và giữ nước của tổ tiên; kinh nghiệm của những giai đoạn cách mạng trước đó; đặc biệt, căn cứ vào những thay đổi của tình hình thế giới và trong nước, yêu cầu và nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam, Đảng từng bước định hình chủ trương kiên trì, bền bỉ con đường tự chủ và độc lập nhằm mục tiêu giải phóng, thống nhất hai miền Tổ quốc.

Nghị quyết 15 năm 1959 đánh dấu sự chuyển biến về tư tưởng chỉ đạo đấu tranh cách mạng, sự chuyển hướng mạnh mẽ về hình thức và phương pháp đấu tranh của Đảng. Nhìn từ góc độ quốc tế, trong khi Liên Xô và các nước XHCN chủ trương “cùng tồn tại hoà bình” và hoà hoãn với Mỹ và phương Tây thì Nghị quyết 15 đã thể hiện tinh thần độc lập, tự chủ trong việc định ra chiến lược cho cách mạng Việt Nam. Sự sáng tạo đó thể hiện tính chủ động, nắm vững tình hình, đề ra được đường lối kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh quân sự, phù hợp với thực tế của cách mạng Việt Nam.

Sau khi Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III kết thúc không lâu, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam được thành lập (20-12-1960) với lập trường hoà bình, trung lập, tiến tới hoà bình thống nhất Tổ quốc. Lập trường “miền Nam trung lập” là một sách lược mềm dẻo của Việt Nam, là một chủ trương phù hợp với tình hình quốc tế nhằm tập hợp lực lượng chống đế quốc Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ rộng rãi của nhiều nước và các lực lượng hoà bình, dân chủ trên khắp thế giới. Song, vấn đề giải phóng miền Nam Việt Nam vẫn phải tự dựa vào sức mình; sức mạnh dân tộc vẫn là nhân tố quyết định thành bại cuộc đọ sức với Mỹ. Vì vậy, dù các nước lớn có tìm cách tác động như thế nào đi nữa, Đảng vẫn bền bỉ theo đuổi con đường tự chủ và độc lập như lời Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Nhân dân miền Nam đã có kinh nghiệm đánh du kích chống Pháp -

Đó là kinh nghiệm của bản thân, của cả nước và học tập kinh nghiệm của Trung Quốc, nhưng đã biết sáng tạo, không giáo điều, lại không ảnh hưởng của chủ nghĩa xét lại” [164; tr.181]. Qua lời phát biểu này, Người khẳng định bản sắc tự chủ, kiên định trong lịch sử đấu tranh giành độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam, nhưng biết kế thừa, phát huy kinh nghiệm của các nước, không giáo điều và cũng không xét lại. Bằng những chủ trương, sách lược ngoại giao mềm dẻo, kiên trì nhưng kiên quyết, Việt Nam đã thực hiện đoàn kết với Liên Xô, Trung Quốc và các nước XHCN khác, tận dụng được các nguồn viện trợ cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Như vậy, chủ trương kiên định độc lập, tự chủ của Đảng là nhất quán, trước sau như một, không lay chuyển trong cuộc kháng chiến bảo vệ độc lập và thống nhất đất nước. Dù điều kiện khách quan thuận lợi hay không thuận lợi, dù trong giai đoạn tam giác chiến lược Mỹ-Xô-Trung vận động khó lường như thế nào đi nữa, Đảng vẫn kiên định thực hiện hai chiến lược cách mạng ở hai miền đất nước, kiên định cách thức triển khai chiến tranh cách mạng, kiên định chiến lược ngoại giao độc lập, tự quyết, không bị chi phối.

3. Điểm mấu chốt và xuyên suốt trong quá trình chỉ đạo tổ chức thực hiện chủ trương kiên định độc lập, tự chủ của Đảng trong suốt 21 năm từ 1954 đến 1975 là chỉ đạo kiên định đường lối kháng chiến; chỉ đạo kiên định mô hình, cách thức triển khai chiến tranh và chỉ đạo thực hiện đường lối đối ngoại độc lập và tự chủ một cách kiên định

Trong hoàn cảnh lịch sử thế giới diễn ra ngày càng khốc liệt, cuộc cạnh tranh về sức mạnh quân sự giữa hai phe TBCN và XHCN ngày càng gay gắt, cuộc chiến tranh Việt Nam trở thành điểm nóng thu hút sự quan tâm quốc tế, Đảng vẫn tỏ rõ sự sáng suốt, tài tình của mình khi nhận diện chính xác 3 “nút thắt” trong quá trình thực thi chủ trương kiên định độc lập, tự chủ.

Chỉ đạo kiên định đường lối kháng chiến thực chất là kiên định quyết tâm kháng chiến, bảo vệ chủ quyền dân tộc và sự thống nhất đất nước; Kiên định đánh giá bạn, thù, đoàn kết quốc tế; Kiên định hai chiến lược trọng yếu và vai trò của hai miền Nam, Bắc trong hành trình giải phóng và thống nhất đất nước. Dựa trên kiên định chiến lược, sách lược kháng chiến, quá trình chỉ đạo kiên định phương pháp, cách thức tiến hành chiến tranh thực chất là kiên định phương châm trực tiếp đánh Mỹ để tìm ra cách thắng Mỹ; tiến hành chiến tranh nhân dân

toàn dân, trên mọi lĩnh vực, dựa chủ yếu vào sức mạnh nội lực; thành công qua từng bước; Kết hợp nhuần nhuyễn đánh và đàm.

Phương diện chỉ đạo thứ ba là chỉ đạo kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ. Đây thực chất là kiên định sự kết hợp, hòa quyện giữa sức mạnh nội lực và những thế mạnh, xu thế của thời đại, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ quốc tế; duy trì sự hài hòa trong mối quan hệ với Liên Xô và Trung Quốc trên nguyên tắc “dĩ bất biến, ứng vạn biến” - kiên định với nguyên tắc, thích ứng với mọi biến động, linh hoạt trong ứng phó, thích nghi với thay đổi; giúp cách mạng Lào, Campuchia theo phương châm “giúp bạn là mình tự giúp mình”; chủ động đàm phán, nhân nhượng để đạt được hiệp định hòa bình, kết thúc chiến tranh.

Đặc biệt, trong quá trình chỉ đạo lĩnh vực ngoại giao, Đảng đã linh hoạt trong việc kết hợp thành công hai thành tố: khả năng tự quyết và độc lập với khai thác, khơi dậy, thúc đẩy sức mạnh đoàn kết quốc tế. Hai vế này đi đôi với nhau, nhưng có độc lập, tự chủ mới tận dụng sự đoàn kết quốc tế được. Thoạt nghe tưởng chừng như hai vế đối lập nhau, tưởng như độc lập, tự chủ thì không cần đến ai, không đoàn kết được với ai. Nhưng thực tiễn và lý luận đều minh chứng chỉ có độc lập, tự chủ mới đoàn kết quốc tế được, mới phát huy được sức mạnh thời đại trong thực hiện nhiệm vụ dân tộc. Điều đó cho thấy rõ Đảng Lao động Việt Nam kiên định độc lập, tự chủ chứ không tự cô lập, đoàn kết chứ không a dua, lệ thuộc.

4. Về kết quả, hiệu quả của quá trình Đảng lãnh đạo kiên định độc lập, tự chủ; vào những năm đầu kháng chiến chống Mỹ xâm lược, Đảng đã từng bước nhận diện đúng tình hình, đánh giá đúng điểm mạnh, điểm yếu của đối tượng tác chiến mới; từng bước khôi phục và thúc đẩy nền kinh tế, văn hoá ở miền Bắc; đấu tranh giữ gìn lực lượng và phong trào Đồng khởi; đối phó với chiến lược “chiến tranh đặc biệt” và làm thất bại bước đầu “chiến tranh cục bộ” v.v., đã chứng tỏ giá trị của kiên định độc lập, tự chủ; đồng thời, củng cố, tạo điều kiện cho Đảng tiếp tục kiên định độc lập, tự chủ ở giai đoạn cách mạng tiếp sau.

Ở giai đoạn kế tiếp của cuộc chiến, Việt Nam không những không bị thế giới cô lập như âm mưu của Mỹ mà càng ngày càng mở rộng sự đoàn kết với các nước láng giềng, đồng minh, bè bạn khắp thế giới. Đó là liên minh với Lào và Campuchia trên cơ sở Đông Dương là một chiến trường; sự giúp đỡ toàn diện và hiệu quả các nước XHCN, trọng tâm là Liên Xô và Trung Quốc, cùng bạn bè khát khao, thúc đẩy

hòa bình trên thế giới và đối với cả người dân tiến bộ Mỹ. Lịch sử nước Mỹ chưa từng có một phong trào xã hội nào lại phủ rộng và quyết liệt, dữ dội, đầy sức mạnh như người dân Mỹ đòi nhà cầm quyền kết thúc cuộc chiến tàn bạo ở Việt Nam; Mỹ phải ký Hiệp định Paris, rút quân khỏi Việt Nam. Nhân dân Việt Nam đã hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong phạm vi cả nước, mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc - kỷ nguyên hoà bình, thống nhất, cả nước đi lên CNXH.

5. Bên cạnh những ưu điểm, trong quá trình lãnh đạo, Đảng có thời điểm chưa kiên định độc lập, tự chủ nên đã gây ra những tác động tiêu cực cho phong trào và lực lượng cách mạng. Không lâu sau đó, Đảng đã kịp thời nhận diện đúng tình hình, xác định rõ bạn – thù, đề ra chủ trương kiên định độc lập, tự chủ và tổ chức thực hiện có hiệu quả trong thực tiễn kháng chiến; đồng thời gắn kết chặt chẽ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc với tình hình quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Nhờ vậy, Việt Nam đã giảm thiểu tác động tiêu cực từ mâu thuẫn Liên Xô – Trung Quốc, đồng thời tranh thủ được sự ủng hộ và giúp đỡ thiết thực của các nước XHCN và lực lượng tiến bộ trên thế giới.

6. Quá trình kiên định độc lập, tự chủ (1954 – 1975) dưới sự lãnh đạo của Đảng mang ý nghĩa nhiều mặt, sâu xa; kết tinh những kinh nghiệm quý báu về công tác đối nội, đối ngoại; để lại nhiều bài học kinh nghiệm có giá trị, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đang đứng trước thời cơ lịch sử để vững bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, vì một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, phồn vinh và hạnh phúc. Những bài học ấy không chỉ nhắc nhở Việt Nam phải kiên định độc lập, tự chủ trong mọi hoàn cảnh, mà còn khẳng định tầm quan trọng của việc phát huy nguồn lực nội sinh như mạch nguồn kết hợp cùng dòng chảy văn minh nhân loại để tạo nên sức bật mới, giữ vững bản sắc và lợi ích quốc gia – dân tộc trong một thế giới biến động không ngừng.

CÔNG TRÌNH KHOA HỌC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Tô Thị Hạnh Nhân (2024), *Hội nghị Paris - Sự kiên định nguyên tắc độc lập dân tộc trong đấu tranh ngoại giao*, Tạp chí Lịch sử Đảng, (401) 4-2024, tr.76-81, ISSN 2815-6382.

2. Tô Thị Hạnh Nhân (2024), *Chủ trương ngoại giao cân bằng của Đảng Lao động Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, tập 21, số 7 (2024), ISSN: 2734-9918; DOI: 10.54607.

3. Tô Thị Hạnh Nhân (2024), *Vai trò của cố vấn Trung Quốc trong chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954*, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học “Chiến thắng Điện Biên Phủ - Giá trị lịch sử và tầm vóc thời đại (1954 - 2024)”, 2024, tr.476-487, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, ISBN 978-604-479-433-4.

4. Nguyễn Thị Mai - Tô Thị Hạnh Nhân (2024), *Hiệp định Paris mở đường thống nhất đất nước và bài học cho hoạt động ngoại giao của Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Cộng sản ngày 6-1-2024 (Link: <https://www.tapchicongsan.org.vn/>).

5. Nguyễn Thị Mai - Tô Thị Hạnh Nhân (2024), Kinh nghiệm trong đấu tranh ngoại giao từ Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương năm 1954, Tạp chí Lý luận chính trị, (555) 5-2024, tr.119-125, ISSN 2525-2585.

6. Tô Thị Hạnh Nhân (2025), *Chủ trương kiên định hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng của Đảng (1954-1975)*, Tạp chí Lịch sử Đảng ngày 28-2-2025 (Link: <https://tapchilichsudang.vn/>)

7. Tô Thị Hạnh Nhân (2025), *Nhận thức của Đảng đối với việc tranh thủ sự giúp đỡ của quốc tế trong những năm 1968 - 1973*, Tạp chí Lịch sử Đảng ngày 7-11-2025 (Link: <https://tapchilichsudang.vn/>)

8. Tô Thị Hạnh Nhân (2017), *Vai trò của Trung ương Cục miền Nam trong chỉ đạo đấu tranh chống kế hoạch bình định lấn chiếm năm 1973*, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học “Cán bộ trẻ Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (Mở rộng) lần III - năm 2017”, tr.252-260, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Tô Thị Hạnh Nhân (2020), *Vai trò chỉ đạo phối hợp của Trung ương Cục miền Nam trong Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975*, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, tập 17, số 10 (2020), tr.1843-1855, ISSN 1859-3100.

10. Tô Thị Hạnh Nhân (2016), *Nghị quyết 15/TWC với cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Nghiên cứu khoa học của sinh viên và cán bộ trẻ các Trường Đại học Sư phạm toàn quốc năm 2016”, tr.217-228 Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, ISBN: 978-604-947-641-9.